TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 01 - 2024
V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Bích

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

2. Bà Mai Thị Thu Hà

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Hồng Cẩm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em-Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 293/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/10/2023 về việc "*tranh chấp Ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/12/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lý Hồng N, sinh năm 1982

Nơi cư trú: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Nguyễn Thị T, sinh năm 1982

Nơi cư trú: Khóm V, thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn ông Lý Hồng N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật ngày 07/10/2019 tại UBND xã K, huyện C, tỉnh

An Giang, nhưng sau khi chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, dẫn đến hay cự cãi không thể hòa giải, ông bà đã sống ly thân từ tháng 2/2023 cho đến nay. Yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị T do nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

- Về con chung: có 01 con chung Lý Hồng Như Q, sinh ngày 20/8/2019. Trước đây cháu sống với ông bà, sau đó ông bà sống ly thân và ông xin cho cháu học lớp mẫu giáo ở Trường M tại xã M, huyện C, cách nhà khoảng 2km. Đến khoảng tháng 11 thì bà T bắt cháu về ở chung và xin cho cháu học ở trường M1.

Đối với Việc bà T trình bày cho rằng khi con bệnh ông không có ở nhà nhưng bà T không mượn được tiền bà con hàng xóm để đưa con đi khám bệnh là do ông và mẹ ruột ông có dặn bà con trong xóm không cho mượn, nếu con bệnh ông sẽ đi mượn tiền do sợ bà T mượn tiền đi đánh đề. Việc ông cho rằng biết bà T đi đánh đề do chị dâu của ông nói lại với ông chứ không có chứng cứ nào khác.

Đồng thời ông xác định có yêu cầu đi xét định AND con chung là do lúc ông bà làm ở S không có dư tiền nên ông giận bỏ về C ở không biết bà T mang thai nên khi bà T thông báo cho ông, trong lúc giận nên có nói với bà T muốn bỏ hay giữa lại thai thì tùy bà T và có nói khi nào bà T sinh ra thì sẽ đi xét nghiệm ADN. Tuy nhiên do cháu ngày càng lớn giống ông nên ông không đi xét nghiệm và có nguyện vọng nuôi con chung.

Việc ông yêu cầu nuôi con có hai lý do: Do bà T bán vé số không có tương lai cho con, bà T có chỗ ở ngủ dưới gầm cầu nên không tốt cho bé. Bà T đánh số đề nên không tốt cho tương lai của con sau này. Bản thân ông thì đủ điều kiện hơn bà T về cả chổ ở và thu nhập kinh tế hơn bà T.

Ông xác định khoảng thời gian bà T nuôi con rất tốt và khoảng thời gian bà T rước cháu Q về chăm con cũng rất tốt, nếu cháu đi học ở V thì ông cũng đồng ý, nhưng ông không đồng ý để bà T nuôi con vì hai lý do nêu trên. Bà T cho rằng do ông sắp lập gia đình mới nên không thể nuôi con tốt, nhưng đó là ý kiến suy nghĩ của bà T, việc con ở với ông tốt hơn với bà T.

- Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình tố tụng bị đơn bà Nguyễn Thị T trình bày ý kiến:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà thống nhất thời gian quen biết, thời gian chung sống cũng như đăng ký kết hôn, bà nhận thấy không còn tình cảm, nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên bà đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung Lý Hồng Như Q, sinh ngày 20/8/2019. Bà yêu cầu nuôi con chung, không đồng ý để ông N chăm sóc, nuôi dưỡng cháu. Nguyên nhân do từ khi sinh ra cháu Q chung sống với bà do bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy. Lý do trước đó bà để ông N nhập học cho cháu là vì bà không có sổ hộ khẩu để nhập học cho cháu tại V. Do đó, để đảm bảo việc học cho con nên bà phải để ông N rước cháu về bên nội để cháu được đi học.

Tuy nhiên, nay bà đã nhập học được cho cháu và cháu đang học bán trú tại Trường M1, xã V, huyện C, tỉnh An Giang, hơn một tháng nay. Việc đưa rước và chăm sóc con cũng tiện lợi vì nhà bà ở V và bà cũng bán vé số gần đó sẽ tiện chăm

sóc cháu và rước cháu vì từ chỗ cháu học cho đến nhà khoảng 800m. Đồng thời vì cháu là con gái rất cần được sự chăm sóc của người mẹ, với lại cháu còn khá nhỏ, mẹ ông N hiện nay đã 78 tuổi nên việc chăm cháu cũng không đảm bảo hơn bà.

Đồng thời, trong khoảng thời gian bà mang thai và sinh con, ông N khi say sỉn thì về chửi bà và so sánh bà với người phụ nữ khác. Nay ông N đã quen người phụ nữ khác, lại sắp lấy vợ nên bà không đồng ý giao con cho ông N nuôi dưỡng, vì không ai thương con hơn mẹ ruột, con bà lại là con gái.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận hòa giải được với nhau về việc giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

Ông N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Ông cho rằng từ lúc bà T nuôi con thì bà T có tạo điều kiện cho ông thăm nom chăm sóc con nhưng ông không rước cháu về nội chơi do hiện tại ông không có xe máy. Khoảng thời gian bà T nuôi con ông không chu cấp sữa và tiền cho cháu Q là vì ông sợ bà T đi đánh số đề.

Ông yêu cầu được nuôi con, do hiện nay ông không nuôi bò chỉ làm phụ hồ tại C nên sáng ông đưa cho cháu Q đi học, đến trưa 10h15ph sẽ rước về, chiều ở với bà N1 do bà N1 chăm sóc. Bà N1 cháu hiện nay 78 tuổi nhưng còn minh mẫn và chăm sóc cháu tốt. Đồng thời ông trình bày khoảng cách từ chỗ làm của ông cách trường cháu Q học và từ trường cháu Q về nhà tầm khoảng 02km. Về việc bà T cho rằng ông sắp lấy vợ là không có, ông chỉ có quen nhưng chưa có việc quyết định lấy vợ.

Về cấp dưỡng: Ông không yêu cầu cấp dưỡng do ông đủ khả năng nuôi con. Thu nhập bình quân mỗi tháng 10 triệu đồng từ nghề làm phụ hồ do ông thợ chính nên lương cao.

Bà T giữ nguyên ý kiến đã trình bày, không bổ sung hay thay đổi gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, của đương sự và đề xuất việc giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Văn bản tố tụng tống đạt đúng quy định tại Điều 175, 177, 179 BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

- Về nội dung:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Lý Hồng N được ly hôn bà Nguyễn Thị Tuyết .

2. Về con chung: Ông Lý Hồng N và bà Nguyễn Thị T có 01 (một) con chung Lý Hồng Như Q, sinh ngày 20/8/2019.

Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con, cần chấp nhận để bà Nguyễn Thị

T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lý Hồng Như Q, sinh ngày 20/8/2019.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết do các bên không yêu cầu.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết do các bên không yêu cầu.

5. Về án phí sơ thẩm: giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: ông Lý Hồng N và bà Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn; ông N khởi kiện yêu cầu ly hôn, yêu cầu giải quyết vấn đề con chung, bà T là người có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện C. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lý Hồng N và bà Nguyễn Thị T tự nguyện quen biết, tìm hiểu nhau và tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 07/10/2019 tại UBND xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Ông N yêu cầu ly hôn vì trong cuộc sống của hai ông bà có nhiều mâu thuẫn không thể hòa giải hàn gắn và nếu tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc, bị đơn bà T cũng thừa nhận và đồng ý ly hôn.

Xét thấy: Trong quan hệ hôn nhân vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, tin tưởng nhau và chia sẻ những khó khăn để vượt qua thử thách, đây là cơ sở vững chắc để bồi đắp cho hôn nhân, cho gia đình hạnh phúc. Giữa nguyên đơn, bị đơn tiến đến hôn nhân xuất phát từ tình cảm yêu thương nhưng khi đã thành vợ chồng thì cả hai không xây dựng gia đình hạnh phúc, không tin tưởng nhau trong đời sống vợ chồng. Mặc dù được hòa giải, động viên nhưng cả hai ông bà không đồng ý tạo thêm cơ hội hàn gắn. Thời gian qua ông N và bà T cũng không cải thiện được tình cảm vợ chồng, cả hai không hòa giải, tìm giải pháp tháo gỡ bất hòa. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Lý Hồng N được ly hôn bà Nguyễn Thị Tuyết .

[2.2] Về con chung: Ông N và bà T có một con chung Lý Hồng Như Q, sinh ngày 20/8/2019, hiện đang do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng.

Ông N cũng có ý kiến xác định khoảng thời gian bà T nuôi con rất tốt và khoảng thời gian bà T rước cháu Q về chăm con cũng rất tốt, nếu cháu đi học ở V thì ông cũng đồng ý nhưng ông không đồng ý do bà T chơi số đề, tuy nhiên ông không có chứng cứ chứng minh.

Theo biên bản xác minh ngày 23/11/2023 tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện C, tỉnh An Giang thể hiện: "Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 hiện có sinh sống tại địa phương và có nghề nghiệp là bán vé số. Tuy nhiên, đối với việc thông tin bà T đánh số đề, cờ bạc tại địa phương là không có. Đồng thời bà T chấp hành tốt các chủ trương tại địa phương. Đại diện địa phương cho biết thông tin thêm về thu nhập của bà T khoảng 300.000đồng/ngày".

Xét, từ khi sinh ra đến nay hầu hết thời gian chăm sóc cháu Q là do bà T chăm sóc, hiện bà T đã nhập học được cho cháu Q tại Trường M1, xã V, huyện C, tỉnh An Giang, hơn một tháng nay việc sinh hoạt đã ổn định, hơn nữa hiện nay cháu Q chỉ mới 4 tuổi lại là cháu gái do đó rất cần sự chăm sóc của người mẹ.

Từ những cơ sở nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy để ổn định về mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận giao quyền cho bà T được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, theo quy định tại Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định của pháp luật, bên không nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho bên nuôi. Tuy nhiên, bà T không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn ông N và bị đơn bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông N phải chịu án phí trong vụ án hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; 271; 273; 278; 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 51; 55; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Lý Hồng N được ly hôn bà Nguyễn Thị Tuyết .

2. Về con chung: Ông Lý Hồng N và bà Nguyễn Thị T có 01 (một) con chung Lý Hồng Như Q, sinh ngày 20/8/2019.

Bà Nguyễn Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lý Hồng Như Q, sinh ngày 20/8/2019.

Bà Nguyễn Thị T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Lý Hồng N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con không cố định.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét, giải quyết.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Ông Lý Hồng N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004520 ngày 09/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Ông N đã nộp đủ tiền án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Lý Hồng N, bị đơn bà Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND t. An Giang (phòng KTNV-THA);
- VKSND H Châu Thành;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H Châu Thành;
- UBND xã Khánh Hòa, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang;
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Xuân Bích

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Thanh Việt	**Huỳnh Văn Nam**	**Nguyễn Thùy Giang**